

PHIẾU RÚT TIỀN

取款憑條

WITHDRAWAL SLIP

Loại Tiền Tê 幣別 Currency : _____

Ghi nợ vào tài khoản số: 帳號 Debit to A/C No.														Tên tài khoản: 戶名 A/C Name
Số ĐKKD/GPĐT/QDTL-投資執照/營業登記證號碼 Registration Certificate No. / Số CMND CCCD hoặc Hộ chiếu - 身份證或護照號碼 ID or Passport No. :														
Địa chỉ 地址 Address : ☐ Đúng với hồ sơ mở Tài khoản 同開戶資料 The same as CIP Form														
Hình thức rút tiền 取款指示 Payment instructions												Số tiền bằng số 小寫金額 In figures		
Tiền mặt 提領現金 Cash												☐ USD		
												☐ VND		
Mục đích 用途, 目的 Purpose														

Dấu của ngân hàng 銀行章 Teller's stamp	Người lập phiếu 經辦 Prepared	Người kiểm tra chữ ký 驗印 Signature verified	Trưởng phòng 主管 Approved	Chữ ký của khách hàng (Dấu) 簽章 Customer's signature seal

Người nhận tiền
領款人 Withdrawaler

Họ Tên 名字 Name

:

Số CMND/CCCD hoặc Hộ Chiếu
身份證/護照號碼 ID/PP.No.

:

Địa chỉ 地址 Address

:

☐ Đúng với hồ sơ mở Tài khoản
同開戶資料
The same as CIP Form

GIẤY ỦY QUYỀN
委託書

Người Ủy Quyền :
立委託書人 (即存戶)

Do không tiện trực tiếp đến rút tiền nên ủy quyền cho
因無法親自辦理，特委託

代為提領現金

(Số CMND/ CCCD /Hộ Chiếu 受託人之身份證、護照號碼

Người được ủy quyền và Người ủy quyền sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.
本項委託視同本人領取，本人並願負一切責任。

Người nhận tiền ký tên
簽名 Withdrawaler Sign

:

受託人 簽章
Người được ủy quyền

存戶簽章
Người ủy quyền